

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN PHÙ YÊN  
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2021/HS-ST  
Ngày 25 - 3 - 2021

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÙ YÊN, TỈNH SƠN LA**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà:* ông Lê Lương Anh.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. ông Đinh Công Ó.
2. bà Đinh Thị Minh Thúy.

*- Thư ký phiên toà:* bà Lê Khánh Hòa – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Yên tham gia phiên toà:* ông Tạ Hữu Huy – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 27/2021/TLST – HS, ngày 29 tháng 01 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2021/QĐXXST – HS, ngày 12 tháng 3 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Kiều Văn C (tên gọi khác: Không), sinh ngày 04 tháng 8 năm 1979 tại huyện T, Thành phố Hà Nội; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn X, xã T, huyện C, Thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Giám đốc Trung tâm đào tạo và tư vấn phát triển nông thôn, thuộc Trường Cao đẳng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Bắc Bộ (đã bị tạm đình chỉ chức vụ); Trình độ học vấn: Thạc sỹ; Đảng phái: Là đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam (đã bị đình chỉ sinh hoạt Đảng theo quyết định số 01 – QĐ/UBKTĐUK, ngày 05/10/2020 của Ủy ban kiểm tra Đảng ủy khối các Trường Đại học, Cao đẳng Hà Nội). Quốc tịch: Việt Nam. Giới tính: Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Con ông Kiều Quốc T (đã chết) và con bà Kiều Thị T, sinh năm 1954. Có vợ là Nguyễn Thị Ch, sinh năm 1980 và có hai con, con lớn sinh năm 2003 và con nhỏ sinh năm 2011. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 15/9/2020 đến ngày

17/12/2020 được thay đổi biện pháp ngăn chặn “cho bảo lãnh”, bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

2. Lê Thị T (tên gọi khác: Không), sinh ngày 28/02/1988 tại huyện D, tỉnh N. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: số nhà X, tổ Y, khu C, thị trấn M, huyện CM, Thành phố Hà Nội. Nghề nghiệp: Cán bộ Trung tâm đào tạo và tư vấn phát triển nông thôn, thuộc Trường Cao đẳng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Bắc Bộ; Trình độ học vấn: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam. Giới tính: Nữ. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Đảng phái: Không. Con ông Lê Hồng Ch, sinh năm 1959 và con bà Lê Thị Q, sinh năm 1963. Có chồng là Trần Quốc C, sinh năm 1977 và có hai con, con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2017. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “cấm đi khỏi nơi cư trú”, bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ủy ban nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La. Vắng mặt có lý do.
2. Phòng Nông nghiệp huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La. Đại diện: ông Nguyễn Văn A – Phó trưởng phòng, có mặt.
3. Trường Cao đẳng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Bắc Bộ. Vắng mặt.
4. bà Bạc Cầm Thị B, sinh năm 1973; trú tại tiểu khu 05, thị trấn Phù Yên, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La – Trưởng phòng Nông nghiệp huyện Phù Yên. Có mặt.
5. ông Đinh Xuân C, sinh năm 1990 – Cán bộ Phòng Nông nghiệp huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La. Có mặt.
6. bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1983 – Kế toán Trung tâm đào tạo và tư vấn phát triển nông thôn, thuộc Trường Cao đẳng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Bắc Bộ - Trú tại khu CT, thị trấn M, huyện CM, Thành phố Hà Nội. Vắng mặt.
7. bà Tạ Thị Thu E, sinh năm 1984, trú tại tiểu khu X, thị trấn L, huyện S, tỉnh H – Là Giảng viên Trường đại học Lâm nghiệp Việt Nam. Vắng mặt.
8. ông Đỗ Bá F, sinh năm 1986; trú tại số nhà X, tổ Y, thị trấn M, huyện CM, Thành phố Hà Nội. Vắng mặt có lý do.
9. bà Phan Thị G, sinh năm 1969; trú tại bản P, xã H, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La. Vắng mặt có lý do.
10. ông Đinh Văn H, sinh năm 1966; trú tại bản K, xã H, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La. Vắng mặt có lý do.
11. bà Hà Thị I, sinh năm 1971; trú tại bản B, xã Q, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La. Có mặt.

12. bà Cẩm Thị J, sinh năm 1967; trú tại bản M, xã Q, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La. Có mặt.

13. ông Lường Thanh K, sinh năm 1977; trú tại bản B, xã H, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La; công tác tại UBND xã H, huyện Phù Yên. Vắng mặt có lý do.

14. bà Hà Thị L, sinh năm 1971; trú tại bản G, xã H, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La. Vắng mặt có lý do.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Ngày 20/7/2020 cơ quan công an huyện Phù Yên nhận được tin báo của công dân xã H, huyện Phù Yên gửi đơn đề nghị qua đường bưu chính với nội dung Trung tâm đào tạo nghề nông nghiệp và Tư vấn phát triển nông thôn trực thuộc Trường Cao đẳng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Bắc bộ có ký kết hợp đồng với Phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Phù Yên để mở lớp kỹ thuật trồng rau an toàn tại địa bàn các xã QH, H, HT của huyện Phù Yên nhưng trong quá trình giảng dạy Trung tâm đào tạo nghề nông nghiệp và tư vấn phát triển nông thôn không thuê đất thực hành để dạy học viên và mở cả đồng thời 03 lớp ở 03 xã khác nhau cùng một thời điểm nhưng chỉ có một giáo viên giảng dạy nên không đảm bảo thời gian, chất lượng và mang tính hình thức. Theo đơn đề nghị của công dân xã H (đơn không ghi tên, tuổi, địa chỉ người gửi) đã đề nghị công an huyện Phù Yên điều tra, làm rõ những sai phạm và xử lý nghiêm những việc làm sai trái theo quy định của pháp luật.

Qua điều tra, xác minh, cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Phù Yên xác định được như sau:

Trung tâm đào tạo nghề nông nghiệp và Tư vấn phát triển nông thôn được thành lập vào năm 2014 theo Quyết định số 4509/QĐ-BNN-TCCB ngày 20/10/2014 của Bộ Nông nghiệp và PTNT, trực thuộc Trường Cao đẳng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Bắc bộ. Trung tâm là đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ, có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước và Ngân hàng để hoạt động theo quy định. Trung tâm tự chủ, tự chịu trách nhiệm về việc thực hiện nhiệm vụ, thu, chi tài chính, Nhà trường chỉ quản lý Trung tâm về mặt tổ chức, nhân sự. Trung tâm có chức năng đào tạo nghề nông nghiệp, nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao tiến bộ kỹ thuật, tư vấn và dịch vụ về phát triển nông thôn theo quy định của pháp luật và một số nhiệm vụ khác được quy định cụ thể trong Điều 14 Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Nông nghiệp và PTNT Bắc Bộ được ban hành kèm theo Quyết định số 514/QĐ-CDNN-TCHC ngày 12/12/2017 của Trường Cao đẳng Nông nghiệp và PTNT

Bắc Bộ. Đến năm 2019 Trung tâm Đào tạo nghề nông nghiệp và Tư vấn phát triển nông thôn được đổi tên thành Trung tâm Đào tạo và Tư vấn phát triển nông thôn theo Quyết định số 669/QĐ-BNN-TCCB ngày 28/02/2019 của Bộ Nông nghiệp và PTNT. Tại thời điểm năm 2019 Trung tâm có 03 cán bộ gồm:

- Bị cáo Kiều Văn C là Giám đốc Trung tâm.
- Bị cáo Lê Thị T là cán bộ kiêm Thủ quỹ Trung tâm.
- Bà Nguyễn Thị D (SN 1983, Nơi cư trú khu CT, thị trấn M, huyện CM, TP. Hà Nội) là Kế toán Trung tâm.

Căn cứ Kế hoạch số 56/KH – UBND, ngày 26/02/2019 của UBND tỉnh Sơn La về đào tạo nghề cho lao động nông thôn tỉnh Sơn La năm 2019; Quyết định số 26/2017/QĐ – UBND, ngày 16/8/2017 của UBND tỉnh Sơn La về việc ban hành danh mục nghề và quy định mức chi phí đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng trên địa bàn tỉnh Sơn La, UBND huyện Phù Yên đã ban hành những văn bản sau: Quyết định số 1109/QĐ - UBND ngày 21/6/2019 về việc phân bổ kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia (MTQG) xây dựng nông thôn mới năm 2019 với nội dung hỗ trợ đào tạo nghề lao động Nông thôn theo Quyết định số 568/QĐ-UBND ngày 15/3/2018 của UBND tỉnh Sơn La; Quyết định số 1857/QĐ - UBND ngày 15/8/2019 về việc phê duyệt danh sách học viên đào tạo nghề nông thôn năm 2019 trên địa bàn huyện Phù Yên; Quyết định số 2108/QĐ - UBND ngày 17/9/2019 về việc phê duyệt dự toán kinh phí đào tạo nghề nông nghiệp trên địa bàn huyện Phù Yên năm 2019. Phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Phù Yên được UBND huyện Phù Yên giao làm chủ đầu tư của chương trình.

Để thực hiện dự án Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện Phù Yên đã tổ chức lựa chọn Nhà thầu, Trung tâm Đào tạo và Tư vấn phát triển nông thôn nộp hồ sơ năng lực để dự thầu tại Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện Phù Yên. Bị cáo Kiều Văn C trực tiếp thương thảo hợp đồng với bà Bạc Cẩm Thị B là Phó Trưởng phòng phụ trách Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện Phù Yên, đi đến thống nhất và ký biên bản thương thảo hợp đồng vào ngày 23/9/2019. Phòng Nông nghiệp huyện Phù Yên đã ban hành Quyết định số 23/QĐ-PNN, QĐ số 24/QĐ-PNN vào ngày 23/9/2019, Quyết định số 25/QĐ-PNN ngày 27/9/2019 về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu dự án Tư vấn kỹ thuật trồng rau an toàn trên địa bàn xã H, xã HT, xã QH, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La. Bị cáo C và bà Bạc Cẩm Thị B ký kết 03 hợp đồng số: 26/HĐ-PNN, 27/HĐ-PNN vào ngày 10/10/2019 và hợp đồng số 28/HĐ-PNN vào ngày 11/10/2019 về việc tư vấn kỹ thuật lớp trồng rau an toàn trên địa bàn xã H, HT, QH thuộc huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La có phụ lục kinh phí chi tiết kèm theo 03 hợp đồng có nội dung: Chi tiền tuyển sinh, khai giảng, bế giảng, cấp chứng chỉ nghề: 4.925.000,đ (Bốn triệu chín trăm hai mươi năm nghìn đồng); Chi mua tài liệu, giáo trình, học liệu, học nghề cho học viên: 1.750.000,đ (Một triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng);

Chi tiền thù lao cho giáo viên, người dạy nghề: 25.000.000,đ (Hai mươi năm triệu đồng); Chi tiền hỗ trợ nguyên, nhiên, vật liệu học nghề: 33.722.500,đ (Ba mươi ba triệu bảy trăm hai mươi hai nghìn năm trăm đồng); Chi tiền thuê lớp học và địa điểm thực hành: 5.000.000,đ (Năm triệu đồng); Chi tiền thuê phương tiện vận chuyển trang thiết bị, nguyên, vật liệu dạy nghề: 2.000.000,đ (Hai triệu đồng); Chi tiền quản lý lớp học: 4.000.000,đ (Bốn triệu đồng). Ngoài ra còn có khoản tiền hỗ trợ cho học viên là 30.000/ngày/01 học viên x 55 ngày x 105 học viên là 173.250.000,đ (Một trăm bảy mươi ba triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng).

Ngày 11/10/2020 tại Trung tâm Đào tạo và Tư vấn phát triển nông thôn, bị cáo C giao nhiệm vụ bằng miệng cho bị cáo T quản lý, thực hiện 03 hợp đồng, đồng thời chỉ đạo bị can Lê Thị T không chi tiền thực hiện 04 phần công việc, nhưng lập chứng từ chi tiền khống của 04 phần công việc, gồm: Chi tiền thù lao cho giáo viên giảng dạy; Chi tiền quản lý lớp học; Chi tiền thuê địa điểm thực hành; Chi tiền mua nguyên, vật liệu, công cụ để bị cáo C thanh, quyết toán tiền của dự án. Sau đó bị cáo C giao cho bị can Lê Thị T 03 hợp đồng đã ký kết và Quyết định số 2108 ngày 17/9/2019 của UBND huyện Phù Yên về việc phê duyệt dự toán kinh phí đào tạo nghề nông nghiệp trên địa bàn huyện Phù Yên năm 2019. Ngày 12/10/2019 bị cáo Lê Thị T soạn thảo 03 kế hoạch giảng dạy chi tiết cho 03 lớp học trình bị can Kiều Văn C ký ban hành rồi gửi đến Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện Phù Yên trước khi khai giảng lớp học, nội dung kế hoạch:

- Lớp học tại xã H: Thời gian giảng dạy từ ngày 15/10/2019 đến ngày 24/12/2019, tổng số giờ giảng là 275 giờ (*Lý thuyết 50 giờ, thực hành, kiểm tra là 225 giờ*), giảng dạy trong 55 ngày, Giáo viên giảng dạy: VC và TH.

- Lớp học tại xã HT: Thời gian giảng dạy từ ngày 15/10/2019 đến ngày 24/12/2019, tổng số giờ giảng là 275 giờ (*Lý thuyết 50 giờ, thực hành, kiểm tra là 225 giờ*), giảng dạy trong 55 ngày, Giáo viên giảng dạy: TTH và NT.

- Lớp học tại QH: Thời gian giảng dạy từ ngày 16/10/2019 đến ngày 25/12/2019, tổng số giờ giảng là 275 giờ (*Lý thuyết 50 giờ, thực hành, kiểm tra là 225 giờ*), giảng dạy trong 55 ngày, Giáo viên giảng dạy: TTT và MT.

Bị cáo Lê Thị T làm theo sự chỉ đạo của bị cáo Kiều Văn C đã lập khống chứng từ chi tiền của 04 phần công việc trên để bị cáo C sử dụng chứng từ này đi nghiệm thu, thanh, quyết toán tiền của dự án với Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện Phù Yên chiếm đoạt được số tiền 200.167.500đ (*Hai trăm triệu một trăm sáu mươi bảy nghìn năm trăm đồng*), cụ thể như sau:

- Kinh phí chi trả tiền thuê địa điểm thực hành: Theo hợp đồng mỗi lớp học được chi trả kinh phí là 4.000.000đ (*Bốn triệu đồng*)/1 lớp học x 03 lớp học = 12.000.000đ (*Mười hai triệu đồng*). Bị cáo T lập chứng từ khống để thanh,

quyết toán khoản chi phí này, gồm: Hợp đồng kinh tế; Biên bản nghiệm thu và thanh lý hợp đồng; Giấy biên nhận tiền với Cẩm Thị J, Hà Thị L, Lương Thanh K. Sau khi lập xong chứng từ bị can Lê Thị T ký giả mạo chữ ký của Cẩm Thị J, Hà Thị L, Lương Thanh K trong chứng từ rồi đưa chứng từ không cho bị cáo C kiểm tra và ký vào chứng từ.

- Kinh phí chi trả tiền thù lao cho giáo viên giảng dạy: Theo hợp đồng mỗi lớp học được chi trả kinh phí là 25.000.000đ (*Hai mươi năm triệu đồng*)/1 lớp học x 03 lớp học = 75.000.000đ (*Bảy mươi năm triệu đồng*). Bị cáo T dựa kế hoạch giảng dạy chi tiết lập chứng từ không để thành quyết toán khoản chi phí này, gồm: Hợp đồng giao khoán; Biên bản nghiệm thu; Biên bản thanh lý hợp đồng; Danh sách ký nhận tiền thù lao giảng dạy. Sau khi lập xong chứng từ bị cáo T ký giả mạo chữ ký của VC, TH, TTH, NT, TTT, MT trong các chứng từ và đưa chứng từ không này cho bị cáo C kiểm tra và ký vào chứng từ.

- Kinh phí chi tiền hỗ trợ nguyên, nhiên, vật liệu học nghề: Theo hợp đồng mỗi lớp học được chi trả kinh phí là 33.722.500,đ (*Ba mươi ba triệu bảy trăm hai mươi hai nghìn năm trăm đồng*)/1 lớp học x 03 lớp học = 101.167.500,đ (*Một trăm linh một triệu một trăm sáu mươi bảy nghìn năm trăm đồng*). Bị cáo T đã đến gặp ông Đỗ Bá F (SN 1986, Nơi cư trú tổ X, thị trấn M, huyện CM, Thành phố Hà Nội) đề nghị được mua hóa đơn nguyên vật liệu, vào ngày 16/10/2019 ông Đỗ Bá F lập 03 hóa đơn bán hàng không rồi bán cho bị cáo T với số tiền là 3.035.000,đ (*Ba triệu không trăm ba mươi năm nghìn đồng*), gồm: Hóa đơn bán hàng mẫu số 02GTTT3/001, ký hiệu 01AM/19P, số 0009294 với nội dung “*Mua vật tư thực hành phục vụ cho lớp kỹ thuật trồng rau an toàn – HT*”; Hóa đơn bán hàng mẫu số 02GTTT3/001, ký hiệu 01AM/19P, số 0009298 với nội dung “*Mua vật tư thực hành phục vụ cho lớp kỹ thuật trồng rau an toàn – QH*”; Hóa đơn bán hàng mẫu số 02GTTT3/001, ký hiệu 01AM/19P, số 0009288 với nội dung “*Mua vật tư thực hành phục vụ cho lớp kỹ thuật trồng rau an toàn – H*”, lập xong ông Đỗ Bá F ký vào dưới phần “*người bán hàng*”, bị cáo T ký vào dưới phần “*người mua hàng*”. Bị cáo Lê Thị T lập không chứng từ gồm: Hợp đồng kinh tế; Biên bản nghiệm thu và thanh lý hợp đồng kinh tế, rồi đưa cho ông Đỗ Bá F ký tên vào những chứng từ này, sau đó bị cáo T đưa chứng từ không này cho bị cáo C kiểm tra và ký vào chứng từ.

- Kinh phí chi quản lý lớp: Theo hợp đồng mỗi lớp học được chi trả kinh phí là 4.000.000,đ (*Bốn triệu đồng*)/1 lớp học x 03 lớp học = 12.000.000,đ (*Mười hai triệu đồng*). Bị cáo T lập chứng từ không để thanh, quyết toán khoản chi phí này, gồm: Bảng tổng hợp kinh phí quản lý lớp; Giấy đi đường của Bùi VS, Lê TKA, Bùi VT, Phạm TQ, Trần VT, Hoàng TH. Sau khi lập xong chứng từ bị cáo T ký giả mạo chữ ký của Bùi VS, Lê TKA, Bùi VT, Phạm TQ, Trần VT, Hoàng TH trong chứng từ rồi đưa cho bị cáo C kiểm tra và ký vào chứng từ.

Bị cáo Kiều Văn C mang toàn bộ hồ sơ, chứng từ chi tiền thực hiện 03 hợp đồng, trong đó có toàn bộ chứng từ lập khống trên đến Phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Phù Yên để nghiệm thu, thanh lý hợp đồng và thanh, quyết toán tiền.

Bà Bạc Cầm Thị B – Phó trưởng phòng phụ trách Phòng nông nghiệp huyện Phù Yên sau khi ký kết 03 hợp đồng đã chủ động xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát số 14/KH-PNN ngày 14/10/2019 nêu rõ nội dung, phương pháp, thành phần kiểm tra, giám sát việc thực hiện 03 hợp đồng. Bà Bạc Cầm Thị B là người chỉ đạo và trực tiếp thực hiện việc kiểm tra, giám sát. Bà B cùng với ông Đinh Xuân C (SN 1988, Nơi cư trú bản T, xã M, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La) là cán bộ Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện Phù Yên tiến hành kiểm tra 06 lần (Mỗi lớp = 02 lần, có 01 lần kiểm tra giảng dạy lý thuyết, 01 lần kiểm tra thực hành), mỗi lần kiểm tra bà B và ông C đều lập biên bản ghi nhận. Kết quả kiểm tra 03 lớp học đều tổ chức giảng dạy lý thuyết và tổ chức giảng dạy thực hành. Bà Bạc Cầm Thị B trực tiếp giám sát hồ sơ thanh, quyết toán tiền của 03 lớp học thấy nội dung hóa đơn, chứng từ chi tiền đảm bảo về trình tự, thủ tục theo quy định, đầy đủ về mặt nội dung và chi tiền đúng với hợp đồng, dự toán chi do UBND huyện Phù Yên phê duyệt.

Dựa vào kết quả kiểm tra, giám sát 03 hợp đồng và các chứng từ, ngày 25/12/2019 bà Bạc Cầm Thị B – Trưởng phòng Nông nghiệp và PTNT huyện Phù Yên (Được bổ nhiệm chức vụ Trưởng phòng từ ngày 20/12/2019) đã ký 03 biên bản nghiệm thu và thanh lý hợp đồng đối với 03 hợp đồng từ vấn kỹ thuật trồng rau an toàn tại xã H, xã HT, xã QH năm 2019 với bị cáo Kiều Văn C. Đến ngày 15/01/2020 Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La thanh toán tiền cho Trung tâm Đào tạo và Tư vấn PTNT với tổng số tiền là 229.192.500,đ (Hai trăm hai mươi chín triệu một trăm chín mươi hai nghìn năm trăm đồng) bằng hình thức chuyển tiền vào tài khoản số 113000177277 của Trung tâm Đào tạo và Tư vấn PTNT tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Tây Thăng Long. Sau khi chiếm đoạt được số tiền là 200.167.500,đ (Hai trăm triệu một trăm sáu mươi bảy nghìn năm trăm đồng) bị cáo Kiều Văn C đã chi tiêu cho bản thân số tiền là 5.000.000,đ (Năm triệu đồng), chi cho công việc của Trung tâm hết 190.667.500,đ (Một trăm chín mươi triệu sáu trăm sáu mươi bảy nghìn đồng) và đưa cho bị cáo T 4.500.000,đ (Bốn triệu năm trăm ngàn đồng). Việc chi số tiền 200.167.500,đ (Hai trăm triệu một trăm sáu mươi bảy nghìn năm trăm đồng) không có hóa đơn, chứng từ gì thể hiện.

Trong quá trình điều tra cơ quan điều tra đã thu giữ: 200.167.500,đ (Hai trăm triệu một trăm sáu mươi bảy nghìn năm trăm đồng) do bị cáo Kiều Văn C giao nộp; 4.500.000,đ (Bốn triệu năm trăm ngàn đồng) do bị cáo Lê Thị T giao nộp; 1.518.000,đ (Một triệu năm trăm mười tám ngàn đồng) do ông Đỗ Bá F

giao nộp; 02 case máy tính để bàn của Trường cao đẳng nông nghiệp Bắc Bộ; 777 (Bảy trăm bảy mươi bảy) tờ tài liệu hồ sơ học viên và hồ sơ chứng từ thanh quyết toán của 03 lớp học tư vấn trồng rau an toàn tại các xã H, HT và QH, huyện Phù Yên năm 2019 của Phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Phù Yên.

Cơ quan CSĐT Công an huyện Phù Yên đã ra Quyết định trưng cầu giám định số 124, ngày 04/8/2020 trưng cầu Giám định viên tư pháp thuộc Sở Tài chính tỉnh Sơn La giám định giá trị thiệt hại tiền ngân sách Nhà nước trong quá trình thực hiện dự án Tư vấn kỹ thuật lớp trồng rau an toàn trên địa bàn xã H, xã HT, xã QH thuộc huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La năm 2019. Tại bản Kết luận giám định ngày 31/8/2020 của Giám định viên tư pháp thuộc Sở Tài chính tỉnh Sơn La kết luận:

*“1. Số tiền quyết toán không kinh phí chi trả thuê địa điểm thực hành: 12.000.000đ (Mười hai triệu đồng) là thiệt hại của Ngân sách Nhà nước.*

*2. Số tiền quyết toán không kinh phí chi trả thù lao giảng viên: 75.000.000đ (Bảy mươi lăm triệu đồng) là thiệt hại của Ngân sách Nhà nước.*

*3. Số tiền quyết toán không kinh phí chi trả thù lao cán bộ quản lý lớp học: 12.000.000đ (Mười hai triệu đồng) là thiệt hại của Ngân sách Nhà nước.*

*4. Số tiền quyết toán không kinh phí mua nguyên vật liệu, dụng cụ học nghề cho các lớp học: 101.167.500đ (Một trăm linh một triệu một trăm sáu mươi bảy nghìn năm trăm đồng) là thiệt hại của Ngân sách Nhà nước”*

Ngày 04/8/2020 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Phù Yên ra Quyết định trưng cầu giám định số 125 trưng cầu Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La (PC 09) giám định chữ ký, hình dấu của 84 mẫu cần giám định trong hồ sơ, chứng từ thanh, quyết toán tiền thực hiện dự án Tư vấn kỹ thuật lớp trồng rau an toàn trên địa bàn xã H, xã HT, xã QH thuộc huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La năm 2019. Ngày 28/8/2020 Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La ra Bản kết luận giám định số 1384, kết luận:

*“1. Chữ ký mang tên Bạc Cẩm Thị B trong các mẫu cần giám định là chữ ký do bà Bạc Cẩm Thị B ký ra.*

*2. Chữ ký mang tên Kiều Văn C trong các mẫu cần giám định là chữ ký do ông Kiều Văn C ký ra.*

*3. Chữ ký mang tên Lê Thị T trong các mẫu cần giám định là chữ ký do bà Lê Thị T ký ra.*

*4. Chữ ký mang tên Nguyễn Thị D trong các mẫu cần giám định là chữ ký do bà Nguyễn Thị D ký ra.*

5. Chữ ký mang tên: Hoàng TH, Trần VT, Phan Thị Thu T, MT, Cẩm Thị J, Hà Thị Th, VC, TH, Bùi VS, Lê TKA, Lương Thanh K, Phạm TQ, TTH, NT, Bùi VT, Hoàng Thị D, Đinh Văn Th, Lương Văn T, Nguyễn Văn Đ, Lương Văn H, Nông Thị Nh, Mùi Thị X, Cấn Thị Q, Đinh Thị T, Hoàng Văn Th, Lương Văn L, Đinh Văn L, Đinh Văn H, Sầm Văn L, Đinh Văn H, Đinh Văn Kh, Đinh Văn H, Đinh Văn L, Đinh Thị L, Sa Văn Th, Vi Thị T, Đinh Thị Nh, Nguyễn Văn L, Hoàng Thị Ch, Đinh Thị L, Đinh Văn H, Nguyễn Văn Q, Đinh Quốc Th, Chu Đức C, Sa Văn Th, Đinh Ngọc A, Hà Thị D, Phan Thị G, Đinh Công N, Hà Thị N, Cẩm Thị Th, Đinh Thị V, Hà Thị L, Hà Thị V, Hà Thị K, Hà Thị H, Đinh Thị T, Hà Thị U, Hoàng Ngọc L, Hà Thị Y, Lê Thị V, Mùi Thị T, Hoàng Thị Ph, Đinh Thị P, Hà Thị É, Hoàng Văn T, Đinh Công Đ, Vi Thị T, Hà Thị L, Mùi Thị L, Hoàng Thị D, Hà Thị T, Đinh Thị Th, Hà Hồ B, Đinh Thị D, Hoàng Văn Đ, Mùi Thị Ng, Hoàng Thị Th, Cẩm Thị Ng, Đinh Thị Tr, Đinh Thị L, Lò Thị N, Đinh Thị V, Cẩm Thị H, Vi Văn D, Bạc Thị L, Cẩm Văn L, Bạc Thị Th, Cẩm Thị U, Cẩm Thị L, Hà Văn Ấ, Hà Thị H, Lò Thị U, Đinh Thị Đ, Đinh Văn Q, Lò Văn T, Sầm Văn H, Hà Thị I, Lò Thị D, Sầm Thị T, Hà Văn T, Lò Thị Hoàng Th, Đinh Thị Ng, Cẩm Thị D, Lương Văn C, Đinh Thị Ó, Mùi Thị Đ, Đinh Văn H, Bạc Cẩm C **trong các mẫu cần giám định là chữ ký do Lê Thị T ký ra.**

6. Hình dấu tròn có nội dung “PHÒNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN” trên các mẫu cần giám định là hình dấu do con dấu của Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La đóng ra.

7. Hình dấu tròn có nội dung “TRUNG TÂM ĐÀO TẠO VÀ TƯ VẤN PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN” trên các mẫu cần giám định là hình dấu do con dấu của Trung tâm đào tạo và tư vấn phát triển nông thôn thuộc Trường Cao đẳng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Bắc Bộ đóng ra”.

- Ngày 21/8/2020 Cơ quan CSĐT Công an huyện Phù Yên ra Quyết định trưng cầu giám định số 137 trưng cầu Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La giám định chữ ký, chữ viết, hình dấu của 29 mẫu cần giám định trong hồ sơ dự án Tư vấn kỹ thuật lớp trồng rau an toàn tại địa bàn xã H, xã HT, xã QH thuộc huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La năm 2019. Ngày 14/9/2020 Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La ra Bản kết luận giám định số 1458, kết luận:

“1. Chữ ký mang tên Kiều Văn C trong các mẫu cần giám định là chữ ký của Kiều Văn C ký ra.

2. Chữ ký mang tên Nguyễn Thị D trong các mẫu cần giám định là chữ ký của Nguyễn Thị D ký ra.

3. Chữ ký mang tên Đỗ Bá F trong các mẫu cần giám định là chữ ký của Đỗ Bá F ký ra.

4. Chữ ký mang tên Phạm TQ trong các mẫu cần giám định là chữ ký của Phạm TQ ký ra.

5. Hình dấu tròn có nội dung “TRUNG TÂM ĐÀO TẠO VÀ TƯ VẤN PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN” trên các mẫu cần giám định là hình dấu do con dấu của Trung tâm Đào tạo và Tư vấn Phát triển nông thôn đóng ra”.

Trong quá trình điều tra, bị cáo Kiều Văn C đã chủ động nộp khắc phục hậu quả số tiền đã chiếm đoạt là 200.167.500,đ (Hai trăm triệu một trăm sáu mươi bảy nghìn năm trăm đồng); bị cáo Lê Thị T đã nộp lại số tiền đã nhận của bị cáo C đưa cho là 4.500.000,đ. Ông Đỗ Bá F đã nộp lại số tiền 1.518.000,đ (là số tiền trong khoản tiền bị cáo T trả cho để mua hóa đơn 3.035.000,đ, ông Thịnh đã nộp thuế tại Chi cục Thuế khu vực CM - Thanh Oai hết số tiền 1.517.000,đ, còn lại 1.518.000,đ).

Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Phù Yên cũng đã ra các Quyết định trưng cầu giám định gửi Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La (PC09) để đối với số tiền của bị cáo Kiều Văn C, bị cáo Lê Thị T, của ông Đỗ Bá F giao nộp.

Tại các bản kết luận giám định số 1414, ngày 03/9/2020; số 1366, ngày 25/8/2020; số 1552, ngày 07/10/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La kết luận:

“Số tiền 200.167.500đ (Hai trăm triệu một trăm sáu mươi bảy nghìn năm trăm đồng) của bị can Kiều Văn C giao nộp là tiền thật”.

“Số tiền 1.518.000đ (Một triệu năm trăm mười tám nghìn đồng) của Đỗ Bá F giao nộp là tiền thật”.

“Số tiền 4.500.000đ (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng) của bị can Lê Thị T giao nộp là tiền thật”.

- Ngày 08/10/2020 Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Phù Yên ra Quyết định trưng cầu giám định số 139 trưng cầu Viện khoa học hình sự - Bộ Công an giám định dữ liệu điện tử trong 02 case máy vi tính mà bị cáo Kiều Văn C và bị cáo Lê Thị T sử dụng. Ngày 30/10/2020 Viện khoa học hình sự - Bộ Công an ra Bản kết luận giám định số 7033/C09-P6, kết luận:

“1. Trong case máy vi tính của bị can Lê Thị T sử dụng có tìm thấy các file đánh máy có nội dung tương tự và giống một phần với các chứng từ lập không.

2. Trong case máy vi tính của bị can Kiều Văn C sử dụng không tìm thấy các file đánh máy có nội dung thể hiện thu, chi tiền năm 2019 và có nội dung giống hoặc giống một phần các chứng từ lập không”.

Tổng số tiền mà bị cáo Kiều Văn C và Lê Thị T chiếm đoạt là 200.167.500,đ (Hai trăm triệu một trăm sáu mươi bảy nghìn năm trăm đồng).

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo C và T khai nhận hành vi phạm tội như sau: Với chức trách, nhiệm vụ, công việc được của mình, trong quá trình thực hiện 03 hợp đồng số 26/HĐ-PNN, 27/HĐ-PNN vào ngày

10/10/2019 và hợp đồng số 28/HĐ-PNN vào ngày 11/10/2019 về việc tư vấn kỹ thuật lớp trồng rau an toàn trên địa bàn xã H, HT, QH thuộc huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La, bị cáo C đã chỉ đạo bị cáo T lập không chứng từ chi tiền của 04 nội dung gồm: Chi tiền thù lao cho giáo viên giảng dạy; Chi mua nguyên vật liệu để thực hành; Chi tiền quản lý lớp học; Chi tiền thuê địa điểm thực hành, đã chiếm đoạt và gây thiệt hại cho ngân sách nhà nước số tiền 200.167.500,đ (Hai trăm triệu một trăm sáu mươi bảy nghìn năm trăm đồng).

*Tại phiên tòa, đại diện Phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Phù Yên – ông Nguyễn Văn A – Phó trưởng phòng trình bày:*

Căn cứ Kế hoạch số 56/KH – UBND, ngày 26/02/2019 của UBND tỉnh Sơn La về đào tạo nghề cho lao động nông thôn tỉnh Sơn La năm 2019; Quyết định số 26/2017/QĐ – UBND, ngày 16/8/2017 của UBND tỉnh Sơn La về việc ban hành danh mục nghề và quy định mức chi phí đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng trên địa bàn tỉnh Sơn La, UBND huyện Phù Yên đã ban hành những văn bản sau: Quyết định số 1109/QĐ - UBND ngày 21/6/2019 về việc phân bổ kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia (MTQG) xây dựng nông thôn mới năm 2019 với nội dung hỗ trợ đào tạo nghề lao động Nông thôn theo Quyết định số 568/QĐ-UBND ngày 15/3/2018 của UBND tỉnh Sơn La; Quyết định số 1857/QĐ - UBND ngày 15/8/2019 về việc phê duyệt danh sách học viên đào tạo nghề nông thôn năm 2019 trên địa bàn huyện Phù Yên; Quyết định số 2108/QĐ - UBND ngày 17/9/2019 về việc phê duyệt dự toán kinh phí đào tạo nghề nông nghiệp trên địa bàn huyện Phù Yên năm 2019. Phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Phù Yên được UBND huyện Phù Yên giao làm chủ đầu tư của chương trình. Sau khi đại diện Phòng nông nghiệp trực tiếp ký 03 hợp đồng về tư vấn, tập huấn kỹ thuật trồng rau sạch trên địa bàn 03 xã của huyện Phù Yên với Trung tâm đào tạo và tư vấn phát triển nông thôn, đại diện lãnh đạo Phòng nông nghiệp huyện đã xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát và bà Bạc Cẩm Thị B là lãnh đạo Phòng cùng với ông Đinh Xuân C – là cán bộ Phòng nông nghiệp của huyện cũng trực tiếp theo dõi, giám sát quá trình giảng dạy, trong quá trình kiểm tra, giám sát đã thấy được quá trình giảng dạy và học của cán bộ và các học viên cả về lý thuyết và thực hành, tuy nhiên cũng chưa kiểm tra, giám sát chặt chẽ các nội dung như trong hợp đồng đã ký kết. Trong quá trình thực hiện hợp đồng thì Trung tâm đào tạo và tư vấn phát triển nông thôn là đơn vị thực hiện và trực tiếp xây dựng kế hoạch giảng dạy cũng như chuẩn bị cơ sở vật chất để dạy và bảo đảm chất lượng tiếp thu của các học viên, sau khi thực hiện hợp đồng thì Trung tâm đào tạo và tư vấn phát triển nông thôn hoàn thiện các hồ sơ chứng từ để Phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn của huyện duyệt và thanh quyết toán, việc xây dựng hoàn thiện hồ sơ chứng từ không phải do Phòng Nông nghiệp huyện trực tiếp làm mà chỉ kiểm tra khi có đầy đủ nội dung theo hợp đồng thì mới phê duyệt và thanh quyết toán, do đó lãnh đạo Phòng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Phù Yên

không quản lý được việc làm không một số các tài liệu, chứng từ của 04 hạng mục trong hợp đồng, kế hoạch giảng dạy mà Trung tâm đào tạo và tư vấn phát triển nông thôn nộp để thanh quyết toán.

Đối với việc tham gia tập huấn kỹ thuật trồng rau sạch của các học viên của 03 xã H, HT và QH của huyện Phù Yên, mặc dù trong quá trình học tập chưa đầy đủ các mảng về nguyên vật liệu, dụng cụ học tập và chỉ có một giáo viên đứng lớp giảng dạy nhưng các học viên đều tham gia tích cực về thời gian, nội dung học tập và đã nắm bắt, tiếp thu được các kỹ năng, kỹ thuật trồng rau sạch an toàn, sau khi kết thúc khóa học các học viên đều bảo đảm kết quả học tập và có nhiều học viên trong 03 lớp học của 03 xã đã áp dụng kỹ năng, kỹ thuật của mình đã tiếp thu được để trồng trọt rau sạch, an toàn, ký được nhiều hợp đồng cung cấp rau sạch cho các trường học, bệnh viện các cửa hàng bán sản phẩm nông nghiệp sạch và có thu nhập cao, góp phần ổn định kinh tế xã hội trên địa bàn huyện Phù Yên.

Trong quá trình khởi tố, điều tra vụ án, cơ quan điều tra công an huyện Phù Yên đã tạm giữ các tài liệu, chứng từ gồm 777 (Bảy trăm bảy mươi bảy) tờ liệu hồ sơ học viên và hồ sơ chứng từ thanh quyết toán tiền của 03 lớp học tư vấn, trồng rau an toàn tại các xã H, HT và QH huyện Phù Yên năm 2019 (bản gốc), Phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Phù Yên đề nghị Hội đồng xét xử trả lại số tài liệu trên để Phòng nông nghiệp huyện quản lý theo quy định.

Về số tiền mà các bị cáo đã chiếm đoạt là 200.167.500,đ (*Hai trăm triệu một trăm sáu mươi bảy nghìn năm trăm đồng*). Sau khi kết thúc hợp đồng, Phòng nông nghiệp huyện Phù Yên sau quá trình kiểm tra hồ sơ, chứng từ đã thanh quyết toán cho Trung tâm đào tạo và tư vấn phát triển nông thôn và đã bị các bị cáo chiếm đoạt và sử dụng. Đến nay bị cáo C đã nộp lại khắc phục hậu quả nên Phòng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Phù Yên đề nghị tịch thu sung nộp Ngân sách nhà nước đối với khoản tiền trên.

*Tại phiên tòa, bà Bạc Cẩm Thị B trình bày:* Bà được lãnh đạo huyện Phù Yên phân công đến công tác và bổ nhiệm chức vụ Phó trưởng phòng phụ trách Phòng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Phù Yên từ tháng 9 năm 2019, khi bà sang nhận nhiệm vụ tại Phòng nông nghiệp của huyện thì đã có các văn bản chủ trương của UBND tỉnh Sơn La và các văn bản, kế hoạch của UBND huyện Phù Yên về việc đào tạo nghề lao động nông thôn, trong đó có kế hoạch tập huấn các kỹ năng về trồng rau an toàn trên địa bàn huyện. Sau khi tiếp nhận công việc, với chức trách là đại diện chủ đầu tư của chương trình, bà đã ký 03 hợp đồng với Trung tâm đào tạo và tư vấn phát triển nông thôn trực thuộc Trường cao đẳng nông nghiệp và phát triển nông thôn Bắc Bộ để thực hiện việc tập huấn kỹ thuật trồng rau sạch an toàn tại các xã H, HT và QH huyện Phù Yên năm 2019, bà đã xây dựng kế hoạch, kiểm tra giám sát đối với

việc thực hiện 03 hợp đồng này, trong quá trình thực hiện bà đã cùng với cán bộ của Phòng trực tiếp đi kiểm tra mỗi lớp 02 lần (01 lần kiểm tra thực hành và 01 lần kiểm tra lý thuyết), qua kiểm tra thì vẫn thấy có việc dạy và học đầy đủ, có giáo viên giảng dạy và có học viên tham gia học, tuy nhiên bà cũng không nắm được có bao nhiêu giảng viên đứng lớp và học viên tham gia đầy đủ không thì bà cũng không nắm được. Đối với việc chuẩn bị lớp học lý thuyết, địa điểm thực hành, quản lý lớp học, nguyên vật liệu để học tập và hoàn thiện các chứng từ, hồ sơ là do phía Trung tâm đào tạo và tư vấn phát triển nông thôn trực tiếp thực hiện và nộp về Phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Phù Yên, sau khi nhận và kiểm tra hồ sơ, chứng từ đầy đủ thì Phòng nông nghiệp huyện Phù Yên đã thanh quyết toán đầy đủ cho Trung tâm đào tạo và tư vấn phát triển nông thôn. Theo hợp đồng đã ký thì Trung tâm đào tạo và tư vấn phát triển nông thôn là đơn vị trực tiếp chuẩn bị cơ sở vật chất và chất lượng giảng dạy cho các học viên, các học viên đạt điều kiện thì sẽ được cấp chứng chỉ tập huấn kỹ thuật trồng rau sạch an toàn, qua kiểm tra, theo dõi từ khi kết thúc khóa tập huấn thì các học viên đều nắm bắt, tiếp thu được kỹ thuật, kỹ năng về trồng rau sạch an toàn và phần lớn các học viên tham gia khóa học đã áp dụng kỹ thuật, kỹ năng về trồng rau an toàn để phát triển kinh tế ổn định có thu nhập cho gia đình, bảo đảm phát triển kinh tế trên địa bàn. Trong thời điểm thực hiện hợp đồng, trách nhiệm cá nhân của bà B cũng chưa quyết liệt, chặt chẽ trong việc kiểm tra, giám sát đối với việc tập huấn kỹ thuật trồng rau sạch an toàn vì cùng thời điểm công việc của Phòng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Phù Yên cũng rất nhiều, là lực lượng chủ công trong công tác xây dựng nông thôn mới của huyện, phải trực tiếp xây dựng các kế hoạch, đôn đốc các xã hoàn thành mục tiêu để được công nhận xã nông thôn mới, toàn bộ cán bộ trong Phòng nông nghiệp từ lãnh đạo đến nhân viên đều đảm trách các công việc khác nhau và ở nhiều nơi, do đó dẫn đến việc kiểm tra, giám sát chưa đầy đủ, quyết liệt, chặt chẽ dẫn đến không phát hiện được việc các bị cáo C và T làm không chứng từ, hồ sơ để chiếm đoạt ngân sách Nhà nước.

Tại phiên tòa, bà Cẩm Thị J, trú tại bản M, xã QH và bà Hà Thị I, trú tại bản B, xã QH huyện Phù Yên, trình bày: Các là thành viên lớp học tập huấn kỹ thuật trồng rau sạch an toàn của xã QH, huyện Phù Yên do Phòng nông nghiệp của huyện Phù Yên kết hợp với Trung tâm đào tạo và tư vấn phát triển nông thôn tiến hành tại xã, trong quá trình học tập chỉ có một giáo viên giảng dạy về cả lý thuyết và thực hành là cô giáo H, các bà và các thành viên trong lớp học đều tham gia đầy đủ về thời gian học và đã tiếp thu đầy đủ các kiến thức về kỹ năng trồng rau sạch an toàn. Trong thời gian giảng dạy mỗi buổi cô giao chỉ đến lớp hướng dẫn kỹ năng khoảng một thời gian ngắn rồi lại dời đi nơi khác, tuy nhiên về các kiến thức kỹ thuật thì cô giáo vẫn truyền đạt đầy đủ và các học viên đều đã tiếp thu và vận dụng tốt kỹ thuật vào cuộc sống, góp phần đưa kỹ thuật vào phát triển kinh tế cho gia đình.

Đối với bà I trong quá trình học tập bà không hề ký hợp đồng cho thuê đất hoặc cho mượn đất ruộng để làm nơi thực hành việc học tập với Trung tâm đào tạo và tư vấn phát triển nông thôn, bà không được nhận khoản tiền thuê đất ruộng nào từ Trung tâm thanh toán.

Đối với bà Q là thành viên của lớp học tại xã QH, trong quá trình học tập bà có cho Trung tâm đào tạo và tư vấn phát triển nông thôn mượn đất ruộng của gia đình để làm nơi thực hành việc học kỹ năng trồng rau sạch của lớp học tại xã QH, việc cho mượn đất là hoàn toàn tự nguyện, không phải thuê hay được trả tiền cho mượn đất ruộng.

Do có hành vi nêu trên tại bản Cáo trạng số: 06/CT - VKS, ngày 25/01/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La truy tố: Bị cáo Kiều Văn C và Lê Thị T về tội Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ, theo quy định tại điểm c khoản 2 điều 356 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Yên giữ quyền công tố tại phiên tòa trình bày lời luận tội, sau khi phân tích đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của các bị cáo, cũng như qua xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo đã đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố: Bị cáo Kiều Văn C và Lê Thị T về tội Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ.

Về hình phạt: Căn cứ điểm c khoản 2, khoản 4 điều 356; điểm b, s khoản 1, khoản 2 điều 51; khoản 1 điều 54; điều 17; điều 58; khoản 1, 2, 5 điều 65 Bộ luật Hình sự:

- Xử phạt bị cáo Kiều Văn C từ 30 đến 36 tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 60 tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án.

Đề nghị khấu trừ thời gian đã tạm giam đối với bị cáo C theo quy định tại khoản 1 điều 38 Bộ luật Hình sự.

- Cấm bị cáo C đảm nhiệm công việc tổ chức giảng dạy, tập huấn kỹ năng về nông nghiệp trong thời hạn 01 (Một) năm kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

- Không áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo.

Căn cứ điểm c khoản 2 điều 356; điểm b, s khoản 1, khoản 2 điều 51; khoản 1 điều 54; điều 17; điều 58; khoản 1, 2, 5 điều 65 Bộ luật Hình sự:

- Xử phạt bị cáo Lê Thị T từ 24 đến 30 tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 48 đến 60 tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo T.

Vật chứng vụ án: Áp dụng điểm b khoản 1, khoản 2 điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm b khoản 2, khoản 3 điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

Buộc các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, các bị cáo nhận tội và không có ý kiến tranh luận gì với vị đại diện Viện kiểm sát, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Yên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

Tại phiên tòa người có quyền lợi liên quan đại diện UBND huyện Phù Yên, Đại diện trường Cao đẳng nông nghiệp và PTNT Bắc Bộ, bà Nguyễn Thị D, bà Tạ Thị Thu E, ông Đỗ Bá F, bà Phan Thị G, ông Đinh Văn H, ông Lương Thanh K, bà Hà Thị L vắng mặt tại phiên tòa (Giấy triệu tập đã được Tòa án tổng đạt và gửi qua đường bưu chính hợp lệ), sự vắng mặt của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào điều 292, Bộ luật tố tụng Hình sự vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Bị cáo Kiều Văn C là Giám đốc Trung tâm đào tạo và tư vấn phát triển nông thôn, có chức năng tổ chức tập huấn, đào tạo các kỹ năng về lĩnh vực nông nghiệp, sau khi ký 03 hợp đồng số: 26/HĐ-PNN, 27/HĐ-PNN vào ngày 10/10/2019 và hợp đồng số 28/HĐ-PNN vào ngày 11/10/2019 về việc tư vấn kỹ thuật lớp trồng rau an toàn trên địa bàn xã H, HT, QH thuộc huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La năm 2019 với Phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Phù Yên, lợi dụng việc thực hiện 03 hợp đồng đã chỉ đạo bị cáo Lê Thị T – là cán bộ kiêm thủ quỹ của Trung tâm làm khống các chứng từ trong 04 nội dung gồm: Chi tiền thù lao cho giáo viên giảng dạy; Chi mua nguyên vật liệu để thực hành; Chi tiền quản lý lớp học; Chi tiền thuê địa điểm thực hành, đã chiếm đoạt và gây thiệt hại cho ngân sách nhà nước số tiền 200.167.500,đ (Hai trăm triệu một trăm sáu mươi bảy nghìn năm trăm đồng).

Tại phiên tòa các bị cáo giữ nguyên lời khai tại cơ quan điều tra, không bổ sung thêm nội dung gì làm thay đổi nội dung của vụ án, các bị cáo hoàn toàn nhất trí với hành vi phạm tội cũng như quyết định truy tố của Viện kiểm sát.

Hành vi phạm tội của bị cáo được chứng minh bằng các căn cứ:

- Lời khai nhận tội của các bị cáo; Các biên bản làm việc; Biên bản niêm phong vật chứng; Các biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu; Các kết luận giám định của các cơ quan chức năng và các tài liệu khác có trong hồ sơ.

Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với đơn tố giác của công dân (không ghi tên, tuổi, địa chỉ) xã H và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Đã có đủ cơ sở kết luận các bị cáo Kiều Văn C và Lê Thị T phạm tội Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ.

[3] Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, thấy rằng: Bị cáo Kiều Văn C và Lê Thị T phạm tội Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ, đã chiếm đoạt số tiền 200.167.500,đ (*Hai trăm triệu một trăm sáu mươi bảy nghìn năm trăm đồng*), là tình tiết định khung hình phạt theo quy định tại điểm c khoản 2 điều 356 Bộ luật hình sự, có mức hình phạt tù từ 05 năm đến 10 năm tù, phạm tội thuộc trường hợp rất nghiêm trọng.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến tài sản của Nhà nước, gây mất trật tự an ninh xã hội tại địa phương. Do đó, cần lên mức án tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của các bị cáo, nhằm đảm bảo biện pháp cải tạo giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Tuy nhiên khi áp dụng hình phạt cần cân nhắc về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo.

*Về nhân thân:* Các bị cáo không có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu

*Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:* Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

*Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:* Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, các bị cáo đều được gia đình và cơ quan nơi công tác xin giảm nhẹ hình phạt và bảo lãnh, các bị cáo đã tự nguyện khắc phục hậu quả toàn bộ thiệt hại xảy ra, bị cáo T đang nuôi con nhỏ, bố đẻ của bị cáo C là ông Kiều Quốc Tr và bố đẻ của bị cáo T là ông Lê Hồng Ch có nhiều cống hiến cho Nhà nước, được tặng thưởng nhiều Huân huy chương, Bằng khen nên cần áp dụng cho các bị cáo tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, do đó cần xem xét xử dưới khung hình phạt và cho các bị cáo được hưởng án treo cũng đủ để cải tạo, giáo dục bị cáo, thể hiện chính sách khoan hồng của Đảng và Nhà nước, giúp đỡ các bị cáo, cải tạo, giáo dục để bị cáo

nhận ra sai lầm và sửa chữa những sai lầm của mình, tạo điều kiện tái hòa nhập cuộc sống. Đề nghị cơ quan nơi công tác và gia đình các bị cáo phối hợp quản lý, giám sát, giáo dục các bị cáo trong thời gian thử thách. Vụ án có vai trò đồng phạm, bị cáo Kiều Văn C giữ vai trò chính, chủ động trong việc thực hiện tội phạm, bị cáo Lê Thị T giữ vai trò đồng phạm giúp sức tích cực trong việc thực hiện tội phạm do đó cần áp dụng điều 58 Bộ luật hình sự để xem xét khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo.

[4] *Về hình phạt bổ sung*: Các bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, xét việc áp dụng hình phạt tiền không có khả năng thi hành nên không áp dụng hình phạt tiền đối với các bị cáo.

Đối với bị cáo Kiều Văn C là người có chức vụ, quyền hạn, do đó cần xem xét cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định một thời gian theo quy định tại khoản 4 điều 356 Bộ luật Hình sự.

[5] *Vật chứng vụ án*:

Đối với 777 (Bảy trăm bảy mươi bảy) tờ liệu hồ sơ học viên và hồ sơ chứng từ thanh quyết toán tiền của 03 lớp học tư vấn, trồng rau an toàn tại các xã H, HT và QH huyện Phù Yên năm 2019 (bản gốc) cơ quan điều tra đã thu giữ tại Phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Phù Yên. Xét thấy toàn bộ số tài liệu này đều là bản gốc, thuộc quyền quản lý, theo dõi của Phòng Nông nghiệp huyện Phù Yên do đó cần trả lại cho Phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Phù Yên quản lý, sử dụng.

Đối với 02 case máy tính để bàn, cái thứ nhất nhãn hiệu LENOVO H520/13 – 32203.3 màu đen; cái thứ hai nhãn hiệu ESPRIMO D551/FMVD05001P/NCP634849. Xác định là tài sản hợp pháp của Trường cao đẳng nông nghiệp và phát triển nông thôn Bắc Bộ đã giao cho các bị cáo quản lý, sử dụng vào công việc chung, Nhà trường không biết, không cho phép việc các bị cáo đã sử dụng số tài sản trên vào việc liên quan đến hành vi phạm tội do đó cần trả lại cho Trường cao đẳng nông nghiệp và phát triển nông thôn Bắc Bộ quản lý, sử dụng.

Đối với 200.167.500,đ (*Hai trăm triệu một trăm sáu mươi bảy nghìn năm trăm đồng*) do bị cáo C nộp khắc phục hậu quả. Xác định đây là khoản tiền do các bị cáo làm không chứng từ để chiếm đoạt ngân sách Nhà nước và đã nộp bồi thường, khắc phục hậu quả tại cơ quan điều tra, do đó cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

Đối với số tiền 1.518.000,đ (*Một triệu năm trăm mười tám nghìn đồng*) do anh Đỗ Bá F giao nộp tại cơ quan điều tra. Đây là số tiền mà các bị cáo mua hóa đơn bán hàng của anh Thịnh với tổng số tiền mua hóa đơn là 3.035.000,đ để làm không chứng từ thanh quyết toán chiếm đoạt tiền ngân sách Nhà nước. Anh Thịnh đã nộp thuế tại Chi cục Thuế Thanh O – CM, Thành phố Hà Nội hết

1.517.000,đ, còn lại 1.518.000,đ, số tiền này liên quan đến hành vi phạm tội do đó cần tịch thu sung Ngân sách Nhà nước.

Đối với số tiền 4.500.000,đ (Bốn triệu năm trăm ngàn đồng) do bị cáo Lê Thị T giao nộp cho cơ quan điều tra, xác định đây là số tiền bị cáo C đưa cho bị cáo T để sử dụng, được lấy từ khoản tiền mà các bị cáo đã chiếm đoạt của ngân sách Nhà nước là 200.167.500,đ (*Hai trăm triệu một trăm sáu mươi bảy nghìn năm trăm đồng*). Trong quá trình điều tra bị cáo C đã nộp lại toàn bộ số tiền mà các bị cáo đã chiếm đoạt là 200.167.500,đ, do không áp dụng hình phạt tiền đối với các bị cáo nên cần trả lại số tiền 4.500.000,đ cho bị cáo C quản lý, sử dụng.

[6] Đối với bà Bạc Cầm Thị B: Căn cứ Kế hoạch số 56/KH - UBND ngày 26/02/2019 của UBND tỉnh Sơn La và nội dung 03 hợp đồng đã ký kết thì Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện Phù Yên phải tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện 03 hợp đồng. Nhưng trước và trong năm 2019 chưa có văn bản, hướng dẫn nào của Trung Ương, của UBND tỉnh Sơn La về quy trình kiểm tra, giám sát. Để thực hiện tốt nhiệm vụ của mình bà Bạc Cầm Thị B đã chủ động xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát số 14/KH-PNN ngày 13/10/2019 nêu rõ nội dung, phương pháp, thành phần kiểm tra, giám sát. Bà Bạc Cầm Thị B là người chỉ đạo và trực tiếp thực hiện việc kiểm tra 03 lớp học được 06 lần. Kết quả 03 lớp học đều tổ chức giảng dạy lý thuyết và tổ chức giảng dạy thực hành. Bà Bạc Cầm Thị B trực tiếp giám sát hồ sơ thanh, quyết toán tiền của 03 lớp học thấy nội dung hóa đơn, chứng từ chi tiền đảm bảo về trình tự, thủ tục theo quy định, đầy đủ về mặt nội dung, chi tiền đúng hợp đồng đã ký kết, dự toán chi do UBND huyện Phù Yên phê duyệt. Căn cứ vào kết quả kiểm tra, giám sát bà Bạc Cầm Thị B đã ký biên bản nghiệm thu và thanh lý 03 hợp đồng. Bà Bạc Cầm Thị B đã thực hiện đúng nhiệm vụ được giao, nhưng còn thiếu sót, chưa kiểm tra quyết liệt, đầy đủ, chặt chẽ việc giáo viên giảng dạy lớp học có đúng với kế hoạch giảng dạy chi tiết hay không, nên không phát hiện ra việc 01 giáo viên giảng dạy 03 lớp. Bà B không được bàn bạc, thỏa thuận, không được nhận lợi ích vật chất từ bị cáo Kiều Văn C và bị cáo Lê Thị T. Hành vi của bà Bạc Cầm Thị B không phải là hành vi phạm tội được quy định trong Bộ luật hình sự năm 2015, không phải là đồng phạm với bị can Kiều Văn C và bị can Lê Thị T. Đây là hành vi vi phạm hành chính trong việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao. Cần kiến nghị với Huyện ủy - UBND huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La xử lý sai phạm của bà Bạc Cầm Thị B theo quy định.

Đối với anh Đỗ Bá F, (SN 1986, Nơi cư trú tổ 4, thị trấn M, huyện CM, TP. Hà Nội) không thực hiện giao dịch mua, bán hàng hóa với bị cáo Lê Thị T, nhưng vào ngày 16/10/2019 anh đã lập và bán 03 hóa đơn bán hàng cho bị cáo T với số tiền là 3.035.000đ (*Ba triệu không trăm ba mươi năm nghìn đồng*), anh Thịnh nộp thuế tại Chi cục Thuế Thanh Oai – CM hết 1.517.000đ (*Một triệu năm trăm mười bảy nghìn đồng*), còn lại số tiền 1.518.000đ (*Một triệu năm trăm mười tám nghìn đồng*) Đỗ Bá F đã giao nộp cho Cơ quan điều tra. Đỗ Bá F

không bàn bạc, thỏa thuận gì với bị cáo Kiều Văn C và bị cáo Lê Thị T, không biết việc các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi của Đỗ Bá F không phải là hành vi phạm tội được quy định trong Bộ luật hình sự năm 2015, không phải đồng phạm với các bị cáo, đây là hành vi vi phạm hành chính, đã vi phạm vào khoản 2, Điều 39 Nghị định số 109/2013/NĐ-CP ngày 24/9/2013 của Chính Phủ với mức phạt tiền từ 20.000.000đ (*Hai mươi triệu đồng*) đến 50.000.000đ (*Năm mươi triệu đồng*). Xét thấy Cơ quan CSĐT Công an huyện Phù Yên đã ban hành Công văn về việc đề nghị Chi cục Thuế Thanh O – CM, TP. Hà Nội xử phạt vi phạm hành chính đối với Đỗ Bá F theo quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Đối với yêu cầu đề nghị khấu trừ thời gian đã tạm giam đối với bị cáo Kiều Văn C theo đề nghị của Kiểm sát viên giữ quyền công tố tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xét thấy: Tại công văn số 27/TANDTC – KHXX, ngày 17/02/2014 của Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn về việc ấn định thời gian thử thách đối với người bị xử phạt tù được hưởng án treo: *“Bộ luật hình sự không quy định về việc trừ thời gian tạm giam, tạm giữ vào thời gian thử thách của án treo mà chỉ quy định thời gian tạm giam, tạm giữ sẽ được trừ vào thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ hoặc hình phạt tù ... Đối với trường hợp người bị xử phạt tù được hưởng án treo mà trước đó đã bị tạm giữ, tạm giam thì thời hạn họ bị tạm giữ, tạm giam không được trừ vào thời gian thử thách”*.

Tại Nghị quyết số 02/2018/NQ – HĐTP, ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 về án treo quy định: *“Khi cho người phạm tội hưởng án treo, Tòa án phải ấn định thời gian thử thách bằng hai lần mức hình phạt tù, nhưng không được dưới 01 năm và không được quá 05 năm. Trường hợp người được hưởng án treo phạm tội mới trong thời gian thử thách thì Tòa án quyết định hình phạt đối với tội phạm mới và tổng hợp với hình phạt tù của bản án trước theo quy định tại điều 55 và điều 56 của Bộ luật Hình sự; nếu họ đã bị tạm giam, tạm giữ thì thời gian bị tạm giam, tạm giữ được trừ vào thời hạn chấp hành hình phạt tù”*.

Căn cứ vào những quy định trên, Hội đồng xét xử không khấu trừ thời gian đã bị tạm giữ để điều tra đối với bị cáo Kiều Văn C (*Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 15/9/2020 đến ngày 17/12/2020 được thay đổi biện pháp ngăn chặn “cho bảo lãnh”*).

[8] Đối với Trường Cao đẳng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Bắc Bộ: Là cơ quan quản lý Trung tâm Đào tạo và Tư vấn phát triển nông thôn. Trung tâm là đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính Phủ (*Thay thế Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ*). Trung tâm tự chủ, tự chịu trách nhiệm về việc thực hiện nhiệm vụ công tác cũng như thu, chi tài chính, Nhà trường chỉ quản lý

Trung tâm về mặt tổ chức, nhân sự. Việc bị cáo Kiều Văn C ký kết và thực hiện 03 hợp đồng tư vấn kỹ thuật trồng rau an toàn tại huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La vào năm 2019 thì Ban giám hiệu Nhà trường không được bị cáo C báo cáo và không nắm được. Ban Giám hiệu Nhà trường không biết việc các bị cáo C và T thực hiện hành vi phạm tội, không được hưởng lợi ích vật chất gì từ các bị cáo cũng như của Trung tâm nên không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo.

[9] Đối với chị Tạ Thị Thu E, (SN 1984, nơi cư trú Tiểu khu X, thị trấn Lương S, huyện Lương S, tỉnh Hòa B) là giảng viên Trường Đại học Lâm nghiệp Việt Nam có quen biết với bị cáo C, đã nhận lời và hợp đồng bằng miệng với bị cáo C thực hiện việc giảng 03 lớp học tại xã H, xã HT, xã QH thuộc huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La, thời gian giảng dạy từ ngày 15/10/2019 đến ngày 24/12/2019, giảng dạy cả lý thuyết và thực hành, với tiền công là 8.000.000đồng/1 lớp học. Sau khi nhận lời chị H tự túc về phương tiện, công cụ, nguyên, vật liệu, giáo trình giảng dạy, tự quyết định việc giảng dạy, tự sắp xếp thời gian để hoàn thành việc giảng dạy cho 03 lớp học. Quá trình giảng dạy chị H chỉ được cấp phát cho mỗi lớp học là 0,5kg hạt giống rau Cải cúc và 0,5kg hạt giống đậu Cove. Chị H xác định không phải chi tiền thuê địa điểm thực hành mà mượn ruộng của học viên, Trung tâm Đào tạo và Tư vấn PTNT không cấp phát nguyên, vật liệu, công cụ học nghề cho học viên. Đến thời điểm hiện nay chị H chưa được bị cáo Kiều Văn C trả một khoản tiền công nào. Chị H không biết về nội dung hợp đồng bị cáo Kiều Văn C đã ký kết và làm khống chứng từ để chiếm đoạt ngân sách Nhà nước, chị H chỉ thực hiện việc giảng dạy theo đúng hợp đồng miệng với bị cáo C. Do đó hành vi của chị Tạ Thị Thu E không liên quan đến hành vi phạm tội đối với các bị cáo.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng với bị cáo C, chị H đã trực tiếp giảng dạy về kỹ thuật cho cả 03 lớp tại 03 xã H, HT và xã QH của huyện Phù Yên nhưng chị H vẫn chưa được bị cáo thanh toán tiền công, trong quá trình điều tra, chị H có đề nghị không nhận lại tiền công chị đã bỏ ra để giảng dạy, xét yêu cầu của chị H là tự nguyện nên Hội đồng xét xử không xem xét. Tuy nhiên nếu chị H có yêu cầu bị cáo C hoặc Trung tâm đào tạo và Tư vấn phát triển nông thôn phải thanh toán trả cho chị số tiền công chị đã bỏ ra thì chị có quyền khởi kiện trong một vụ án khác.

[10] Về án phí: Do hành vi phạm tội của mình nên các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH: Hà

Căn cứ điểm c khoản 2, khoản 4 điều 356; điểm b, s khoản 1, khoản 2 điều 51; điều 17, điều 58, khoản 1 điều 54; khoản 1, 2, 5 điều 65 Bộ luật Hình sự:

Tuyên bố bị cáo Kiều Văn C và Lê Thị T phạm tội Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ.

- Xử phạt bị cáo Kiều Văn C 03 (Ba) năm tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 05 (Năm) năm. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án, ngày 25 tháng 3 năm 2021.

- Cấm bị cáo Kiều Văn C đảm nhiệm công việc tổ chức giảng dạy, tập huấn kỹ năng về nông nghiệp trong thời hạn 01 (Một) năm kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

- Không áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo Kiều Văn C.

Căn cứ điểm c khoản 2 điều 356; điểm b, s khoản 1, khoản 2 điều 51; điều 17, điều 58, khoản 1 điều 54; khoản 1, 2, 5 điều 65 Bộ luật Hình sự:

- Xử phạt bị cáo Lê Thị T 26 tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 52 (Năm mươi hai) tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án, ngày 25 tháng 3 năm 2021.

- Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Lê Thị T

Giao hai bị cáo Kiều Văn C và Lê Thị T cho Trường cao đẳng nông nghiệp và phát triển nông thôn Bắc Bộ giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Trường cao đẳng nông nghiệp Bắc Bộ giám sát và giáo dục các bị cáo.

*Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại điều 92 của Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.*

Về vật chứng vụ án: Áp dụng khoản 2 điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm b khoản 2, khoản 3 điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

- Trả lại cho Phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La 777 (Bảy trăm bảy mươi bảy) tờ tài liệu hồ sơ học viên và hồ sơ chứng từ thanh quyết toán tiền của 03 lớp học tư vấn, trồng rau an toàn tại các xã H, HT và QH huyện Phù Yên năm 2019 (bản gốc).

- Trả lại cho Trường cao đẳng nông nghiệp Bắc Bộ 02 case máy tính để bàn, cái thứ nhất nhãn hiệu LENOVO H520/13 – 32203.3 màu đen; cái thứ hai nhãn hiệu ESPRIMO D551/FMVD05001P/NCP634849.

- Tịch thu sung hoàn trả ngân sách Nhà nước 01 (Một) phong bì được niêm phong, bên trong có số tiền 200.167.500,đ (*Hai trăm triệu một trăm sáu mươi bảy nghìn năm trăm đồng*) và 01 (Một) phong bì được niêm phong, bên trong có 1.518.000,đ (*Một triệu năm trăm mười tám ngàn đồng*).

- Trả lại cho bị cáo Kiều Văn C 01 (Một) phong bì của Công an huyện Phù Yên được niêm phong, bên trong có 4.500.000,đ (*Bốn triệu năm trăm ngàn đồng*).

*(Theo biên bản giao nhận vật chứng số 25/BB – GNVC, ngày 28/01/2021 giữa Công an huyện Phù Yên và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La).*

*Về án phí:* Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14: Buộc bị cáo Kiều Văn C và Lê Thị T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: áp dụng điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự: Các bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 25/03/2021); Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Sơn La;
- Sở Tư pháp tỉnh Sơn La;
- Sở Tư pháp TP Hà Nội;
- VKSND huyện Phù Yên (2);
- Công an huyện Phù Yên;
- THAHS;
- Chi cục THADS huyện Phù Yên;
- Bị cáo;
- Người có QLNVLQ (14);
- Lưu HS, AV.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Lê Lương Anh**